

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 04/CVMT ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng B.M.T về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất bê tông nhựa nóng B.M.T - Chi nhánh Cần Thơ” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1394/TTr-SNNMT ngày 19 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng B.M.T, địa chỉ tại Số 36 Võ Văn Tần, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất bê tông nhựa nóng B.M.T” địa chỉ tại Lô B-21.2 đường số 7, Khu công nghiệp Hưng Phú 1, phường Hưng Phú, thành phố Cần Thơ với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: Nhà máy sản xuất bê tông nhựa nóng B.M.T.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B-21.2 đường số 7, Khu công nghiệp Hưng Phú 1, phường Hưng Phú, thành phố Cần Thơ.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số: 0301449021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 3 năm 1993, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 23 tháng 5 năm 2023. Giấy chứng nhận đầu tư số 0420872025 ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ.

1.4. Mã số thuế: 0301449021.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Bê tông nhựa nóng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở

- Diện tích: 10.000 m².

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án có tổng mức đầu tư là 50.000.000.000 đồng (*Năm mươi tỷ đồng*) thuộc dự án nhóm B có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP: Cơ sở đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này:

+ Công suất: 200 tấn sản phẩm/giờ.

+ Quy trình công nghệ: Nguyên liệu → Bin nguội → Băng tải chuyển cốt liệu → Ràng nóng cốt liệu → Băng tải đứng → Sàng nóng cốt liệu → Silo chứa cốt liệu nóng → Cân cốt liệu → Trộn cưỡng bức → Silo chứa bê tông nhựa nóng (thành phẩm).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này (nếu có).

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng B.M.T có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày....⁰⁸... tháng 9 năm 2035).

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hưng Phú tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ NN và MT;
- CT UBND thành phố;
- Cty CP Đầu tư xây dựng B.M.T;
- UBND phường Hưng Phú;
- Công Thông tin điện tử TP;
- VP UBND TP (2H);
- Lưu: VT. ^{VK}



**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Chí Hùng

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 28 /GPMT-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Dự án nằm trong Khu công nghiệp Hưng Phú 1 nên Chủ cơ sở thực hiện việc đấu nối toàn bộ nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Lượng nước thải cơ sở thực hiện đấu nối 6 m³/ngày.đêm. Chủ đầu tư khu công nghiệp chưa triển khai xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung theo quy định, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng B.M.T phải chấp thuận cho đấu nối theo thỏa thuận Hợp đồng thuê đất số 801/HDTĐNT/SCT-2018 ngày 01 tháng 8 năm 2018 và quy định hiện hành khi hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu công nghiệp.

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ quá trình vệ sinh của công nhân tại cơ sở với lưu lượng khoảng 6,0 m³/ngày.đêm.

Lưu lượng nước thải phát sinh tối đa 6,0 m³/ngày.đêm từ nước thải sinh hoạt, không phát sinh nước thải sản xuất.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh sau khi xử lý bằng bể tự hoại, sau đó được thu gom bằng hố ga rồi dẫn tới hồ sinh học trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp, đạt QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A) và QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A).

2.2. Vị trí xả nước thải: Hố ga tiếp nhận nước thải của hệ thống thoát nước thải của khu công nghiệp, tọa độ vị trí đấu nối (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105° 45', múi chiếu 3°): X: 1104860, Y: 590300.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Nguồn số 01: 6,0 m³/ngày.đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A) và QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A). Cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT, (Cột A)	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT, (Cột A)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	6 đến 9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ, cơ sở đề xuất quan trắc 01 lần/năm	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục
2	BOD ₅ 20°C)	mg/l	30	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan mg/l	mg/l	500	-		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1	0,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	5		
7	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	-		
8	Nitrat (NO ₃) (tính theo N)	mg/l	30	-		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	-		
10	Photphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	6	4		
11	Coliforms	MPN/100ml	3.000	3.000		

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách biệt hoàn toàn so với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tối đa 6,0 m³/ngày.đêm sau khi được xử lý bằng bể tự hoại theo đường ống uPVC Ø110 dẫn vào bể sinh học kích thước 1,5 m x 3m x 4m trước khi thoát ra hố ga thu gom nước thải của khu công nghiệp. Tọa độ điểm đầu nối: X: 1104860, Y: 590300 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó theo đường ống dẫn về bể sinh học trước khi được thoát ra hố ga thu gom.

- Xử lý nước thải qua bể tự hoại: Bể tự hoại là công trình làm việc đồng thời 2 chức năng: phân huỷ cặn, lắng. Cặn lắng được giữ lại trong bể, dưới tác động của các vi sinh vật kỵ khí chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ tạo thành khí và các chất hữu cơ hoà tan.

- Thời gian lưu nước thải trong bể tự hoại từ 1 đến 3 ngày nên đạt hiệu suất lắng và xử lý cao. Nước thải qua ngăn lắng 1, ngăn lắng 2 sau đó nước sẽ chảy tràn sang bể thu nước. Nước thải sau khi xử lý bằng bể tự hoại sẽ được dẫn vào 2 hồ sinh học đảm bảo chất lượng nước thải đạt yêu cầu trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước của KCN Hưng Phú 1.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: -

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

Định kỳ hút bùn từ bể tự hoại và các đường rãnh, đường ống thoát để hạn chế việc tắc nghẽn.

1.5. Tiêu chuẩn tiếp nhận đầu nối nước thải: QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A) và QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi: -

3.3. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án đầu tư, cơ sở phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.4. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo (nếu có): -

3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có): -

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 28 /GPMT-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải, bụi và nhiệt thải từ các công đoạn tang sấy với đầu đốt toàn khối (sử dụng dầu FO, DO để đốt), bộ sàng nóng cốt liệu, cân cốt liệu, Silo chứa cốt liệu nóng được thu gom theo hệ thống khép kín, sau đó dẫn về hệ thống xử lý khí thải theo dây chuyền sản xuất.

- Lưu lượng phát sinh tối đa 55.000 m³/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

Dòng khí thải số 01: Khí thải sau khi xử lý qua hệ thống xử lý khí được xả ra ngoài môi trường. Tọa độ vị trí xả thải (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰) X: 1104957, Y: 590384.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

Dòng khí thải số 01: Lưu lượng tối đa 55.000 m³/giờ (theo công suất của hệ thống xử lý khí thải).

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả thải cưỡng bức, liên tục.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - cột B), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) Kp=1; Kv=1		Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			Nguồn thải số 01	Nguồn thải số 02		
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	200	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ, cơ sở đề xuất quan trắc 01 lần/năm	Không thuộc đối tượng
2	CO	mg/Nm ³	1000	-		
3	SO ₂	mg/Nm ³	500	-		
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850	-		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Công trình thu gom bụi, khí thải được lắp đặt đồng bộ với thiết bị.
- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động dây chuyền sản xuất bê tông nhựa nóng:

- + Hệ thống rang nóng cốt liệu (tang sấy với đầu đốt toàn khối) phát sinh chủ yếu bụi và nhiệt thải

- + Bộ sàng nóng cốt liệu phát sinh chủ yếu là khí thải và bụi.

- + Silo chứa cốt liệu nóng phát sinh chủ yếu là khí thải, bụi, nhiệt thải.

- + Hệ thống xông nhiệt, hệ thống cân cốt liệu phát sinh chủ yếu là khí thải, bụi, nhiệt thải.

- Khí thải, bụi và nhiệt thải từ các công đoạn này được thu gom theo hệ thống khép kín, sau đó dẫn về hệ thống xử lý khí thải theo dây chuyền sản xuất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Quy trình xử lý bụi, khí thải phát sinh: Khí thải phát sinh → Khoang phân tách trước (xyclone) → lọc bụi kiểu túi vải (Rotor-step) → than hoạt tính → quạt hút → ống khói cao 15m đường kính 0,6m, khí thải đầu ra đạt QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - cột B.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này): -

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: -

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố (nếu có)

- Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị. Thực hiện đúng quy trình vận hành, các yêu cầu và thông số kỹ thuật của thiết kế trong quá trình vận hành hệ thống xử lý khí thải.

- Kiểm tra chế độ vận hành theo thiết kế và sửa chữa kịp thời khi có sự cố. Đội ngũ nhân viên kỹ thuật và công nhân được tập huấn để sẵn sàng ứng phó khi có sự cố xảy ra.

- Công nhân vận hành sẽ được tập huấn các kiến thức, kỹ năng cần thiết để đảm bảo vận hành tốt, đảm bảo hiệu suất xử lý, giảm thiểu các sự cố xảy ra.

- Thường xuyên kiểm tra và giám sát độ kín và độ bền của hệ thống xử lý bụi, khí thải cũng như các hệ thống đường ống dẫn, kịp thời sửa chữa khi có dấu hiệu hư hỏng.

- Khi hệ thống xử lý khí thải hư hỏng, không thể khắc phục phải tạm dừng hoạt động đến khi sửa chữa xong mới tiếp tục sử dụng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo (nếu có): -

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có): -

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 28 /GPMT-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung phát do vận hành hệ thống trạm trộn.
- Nguồn số 1: Tiếng ồn, khu vực nhập nguyên liệu.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Khu vực sản xuất được bố trí cách ly với khu vực văn phòng.
- Công nhân trực tiếp sản xuất phải được trang bị bảo hộ lao động.
- Thiết bị, máy móc được bảo dưỡng định kỳ.
- Tuân thủ nghiêm túc quy trình vận hành kỹ thuật các hệ thống trộn nhằm kiểm soát nhiệt tốt nhất.
- Trồng cây xanh để hạn chế ô nhiễm.
- Tuân thủ các quy định kỹ thuật khi vận hành thiết bị.
- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân như: Nút bịt tai chống ồn, bao ốp tai, nón bảo hộ lao động.

- Phương tiện giao thông ra vào theo hướng dẫn phân luồng của nhân viên bảo vệ, có vị trí đậu đỗ phù hợp, giảm tốc độ và hạn chế bóp còi khi đi vào khu vực.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung

- Có chế độ bảo trì, bảo dưỡng định kỳ như bôi trơn, sửa chữa hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng.

- Trồng cây xanh để hạn chế ô nhiễm và giảm tiếng ồn độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo *(nếu có)*.

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác *(nếu có)*.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 28 /GPMT-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: 190 kg/năm.

STT	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Nhựa đường 60/70	11 03 01	100
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	10
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 04	10
4	Bao bì mềm thải	18 01 01	10
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	18 01 02	10
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	18 02 01	50
	Tổng		190

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Chất thải rắn công nghiệp thông thường chủ yếu là bao bì, dây nylon, giấy vụn, thùng phuy với khối lượng phát sinh khoảng 2.800 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh, ăn uống của nhân viên, công nhân... chủ yếu gồm các loại như bao bì nhựa, chai lọ, vỏ hộp cơm, túi nilon, thức ăn thừa, khối lượng phát sinh khoảng 7.200 kg/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát: -

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị lưu chứa, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Chất thải nguy hại được phân loại, lưu chứa riêng biệt trong thùng chứa có dung tích 240l và thùng phuy 200l, có dán nhãn tên và mã chất thải nguy hại trên từng thùng chứa.

- Kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Chất thải nguy hại của cơ sở được tập kết và lưu giữ trong kho riêng biệt với các khu vực xung quanh có diện tích khoảng 10 m², vách tường (dạng kho trong kho), kho kín tránh nắng và nước mưa chảy tràn, có cửa khóa an toàn, nền kho cao ráo, phía ngoài kho có gắn biển báo; có trang bị thiết bị PCCC, vật liệu hấp thụ (cát) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ chất thải nguy hại ở thể lỏng, nhà kho được xây dựng theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Công tác quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải nguy hại được thực hiện đúng theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị lưu chứa, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa

- + Đối với giấy vụn, thùng carton lỗi,... được phân loại và thu gom vào kho chứa và định kỳ bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

- + Đối với bao bì sản phẩm bị lỗi: Thu gom vào bao, lưu vào kho chứa và được Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Môi trường Việt Xanh thu gom hàng tuần.

- Khu vực lưu chứa: Bố trí khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích bố trí khoảng 5m². Khu vực lưu chứa nền bê tông, có mái che, có dán biển tên kho lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Cơ sở bố trí các thùng rác 240 lít tại khu vực lưu chứa để tập kết chất thải rắn sinh hoạt. Nhân viên dọn vệ sinh của nhà máy sẽ thu dọn rác thải sinh hoạt đến điểm tập kết rác của nhà máy.

- Khu vực lưu chứa: Khu vực tập kết rác thải sinh hoạt có nền xi măng. Cơ sở ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom xử lý chất thải với tần suất thu gom 01 lần/ngày.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: -

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại: -

3.2. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: -

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu sự cố an toàn lao động

- Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho công nhân và thường xuyên nhắc nhở công nhân mang đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động khi làm việc.
- Thực hiện đúng thao tác trong quá trình vận hành máy móc, và đúng quy định trong quy trình làm việc.
- Thường xuyên tập huấn, trang bị kiến thức an toàn lao động cho công nhân, quy định nội quy an toàn lao động, lắp đặt các biển cảnh báo cạnh thiết bị điện và các phương án sơ cứu tai nạn lao động tại khu vực sản xuất.
- Yêu cầu công nhân, trực máy cách bộ phận điều khiển tối thiểu 0,5 m.
- Về bộ phận cơ khí: Khi sửa chữa máy phải ngắt công tắc điện và đặt biển báo mới được sửa chữa; Không được để dầu, mỡ, nhớt máy rơi vãi nơi làm việc.
- Về vệ sinh lao động: Công nhân viên phải giữ gìn sạch sẽ nơi làm việc; công nhân viên tích cực tham gia chương trình phòng chống dịch bệnh và khám sức khỏe định kỳ hằng năm do cơ sở tổ chức.
- Chỉ cho phép công nhân viên vào công ty làm việc với trạng thái cơ thể tâm lý bình thường. Tổ trưởng bắt buộc công nhân ngừng làm việc khi phát hiện có sử dụng chất kích thích như ma túy, rượu, bia.

2. Biện pháp ứng phó sự cố đối với nước thải

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của hệ thống thu gom, thoát nước thải tránh trường hợp chảy tràn, rò rỉ.
- Thực hiện vệ sinh, hút bùn hệ thống bể tự hoại định kỳ mỗi năm 01 lần.

3. Biện pháp ứng phó sự cố đối với khí thải

- Nhà máy bố trí công nhân chuyên trách vận hành, kiểm tra, theo dõi các thiết bị của các hệ thống xử lý khí thải hàng ngày, kiểm tra các thiết bị chụp hút, quạt hút, đường ống dẫn và ống thoát khí.
- Thực hiện chế độ bảo trì định kỳ 3 tháng/lần, đảm bảo hệ thống vận hành trong tình trạng tốt.
- Thực hiện đúng tần suất vệ sinh và thay mới thiết bị theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất.
- Khu vực xưởng sửa chữa, cơ khí chuẩn bị sẵn các thiết bị phục vụ cho công tác sửa chữa kịp thời các sự cố nhỏ.
- Thực hiện quan trắc định kỳ các thông số tại đầu ra hệ thống xử lý khí thải, từ các kết quả đo sẽ đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống nhằm đưa ra các giải pháp khắc phục phù hợp.

4. Biện pháp giảm thiểu, ứng phó sự cố cháy nổ

- Phương án phòng cháy chữa cháy được thẩm duyệt theo quy định.

- Thành lập đội phòng cháy chữa cháy tại chỗ từ đội ngũ các công nhân viên trong nhà máy và thường xuyên tham gia diễn tập do cơ quan có thẩm quyền tổ chức.

- Sắp xếp cách bố trí máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn gàng và khoảng cách an toàn cho công nhân làm việc khi có sự cố xảy ra.

- Bố trí biển cảnh báo, nội quy tại khu vực sản xuất để cán bộ công nhân viên đến nhà máy không được tùy tiện sử dụng thiết bị dễ gây cháy, nổ hoặc hút thuốc lá không đúng nơi quy định trong giờ làm việc.

- Công nhân viên của nhà máy khi phát hiện ra cháy phải nhanh chóng báo động qua hệ thống điện thoại hay keng báo động và trực tiếp báo cho cơ quan chức năng; bố trí tiêu lệnh, nội quy phòng cháy chữa cháy tại những vị trí dễ nhìn thấy trong nhà máy để công nhân thấy rõ và thực hiện.

- Thành lập đội phản ứng nhanh để kịp thời ứng phó với các sự cố về cháy nổ, rò rỉ hóa chất, rò rỉ khí gas xảy ra trong quá trình hoạt động.

5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ nhiên liệu

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đường ống, thiết bị chứa,... và các thiết bị liên quan để phát hiện sớm các dấu hiệu rò rỉ và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Thường xuyên tổ chức huấn luyện, nâng cao ý thức về an toàn hóa chất và các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cho người lao động.

- Đảm bảo đầy đủ các trang thiết bị, vật tư phục vụ ứng phó sự cố, như bình xịt, mặt nạ phòng độc, quần áo bảo hộ, v.v.

- Nhiên liệu được lưu chứa cách xa nguồn nhiệt, loại bỏ các yếu tố gây cháy nổ như nguồn điện.

- Thông báo kịp thời và phối hợp cơ quan chức năng kiểm soát xử lý.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 28 /GPMT-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG: -

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: -

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/ /GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG: -

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động.

3. Tuân thủ các quy định về xử lý nước thải, đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp và đảm bảo nước thải đáp ứng các yêu cầu về chất lượng trước khi xả thải.

4. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.